

Bản án số: 60/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23/11/2020
V/v tranh chấp Hôn nhÃ và gia đình

**NHÃ DANH
NƯỚC CỘNG HOÃ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÃ DÃ TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đình Thông

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Thế; Bà Nguyễn Thị Phương Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhÃ dÃ tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhÃ dÃ tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 43/2020/TLST - HNGĐ, ngày 01/6/2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 23/9/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 35/QĐST – DS ngày 26/10/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Chị Trần Thị T**, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn Y, xã X, huyện , tỉnh Hà Tĩnh. (Có mặt)

Người được nguyên đơn ủy quyền: Ông **Trần Hậu Đ**; Địa chỉ: tổ 3 phường 3, phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)

2. *Bị đơn:* **Anh Nguyễn Văn Ã**, sinh năm 1995; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Y, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tự do tại Đài Loan (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ vụ án, chị Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhÃ: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn Ã kết hôn với nhau vào ngày 11/01/2017 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Trước khi kết hôn chị T và anh Ã được tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc cùng với mẹ chồng tại thôn Y, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh được một thời gian. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh Ã xuất cảnh sang Đài Loan làm ăn. Chị T chuyển về sống cùng bố mẹ

ruột tại thôn Đ, xã M, huyện C. Tháng 3/2019 bố chồng chết, chị T quay về sống chung cùng mẹ chồng một thời gian nhưng giữa vợ chồng chị nảy sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên chửi bới, xúc phạm lẫn nhau. Do khoảng cách về địa lý xa xôi, vợ chồng không liên lạc được với nhau để cùng chia sẻ, hàn gắn những mâu thuẫn nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần không còn quan tâm đến nhau. Chị T không rõ địa chỉ cụ thể của anh A tại Đài Loan, hiện tại chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục hàn gắn, hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Quá trình sống chung, chị T và anh A có 01 con chung là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 16/6/2017. Nguyên vọng của chị T được nhận nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh A đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhA dA tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phA tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T. Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn A; Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 16/6/2017 cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh A không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm, cản trở; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Nguyễn Văn A hiện đang lao động tự do tại Đài Loan không có địa chỉ cụ thể. Tại công văn số 8599/QLXNC-P5, ngày 12/6/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an, xác nhận: Anh Nguyễn Văn A, sinh ngày 05/5/1995 đã xuất nhập cảnh 18 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 14/4/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhA dA tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại điều 37 Bộ luật tố tụng dA sự.

[1.2] Tòa án đã tiến hành xác minh qua người thA của anh Nguyễn Văn A là ông Nguyễn Văn N (chú ruột của anh A). Tại Biên bản xác minh ông Nguyễn Văn N cho biết: Anh Nguyễn Văn A lao động tự do tại Đài Loan, không có địa chỉ cụ thể nên ông không thể cung cấp cho Tòa án. Anh A có liên lạc về với gia đình qua điện thoại nên khi Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án ông đã nhận và thông báo lại nội dung cho anh A, cụ thể quan điểm ý kiến của anh A về yêu cầu khởi kiện của chị T như thế nào ông không nắm rõ, ông đề nghị Tòa án trực

tiếp trao đổi với anh A qua điện thoại. Tòa án nhân dân tỉnh đã tiến hành điện thoại thông qua ứng dụng Messger qua điện thoại để kết nối với anh Nguyễn Văn A có sự chứng kiến của chính quyền địa phương. Anh A nhận điện thoại và cho biết anh đã biết việc chị Trần Thị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh. Anh thừa nhận thời gian, địa điểm kết hôn, cuộc sống vợ chồng, quan hệ con chung đúng như chị T đã trình bày. Anh kết hôn với chị T vào ngày 11/01/2017 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ chồng tại thôn Y, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn kể từ khi anh đi xuất khẩu tại Đài Loan, chị T đi lao động tại Thái Lan nên vợ chồng ít liên lạc và tình cảm phai nhạt dần. Chị T làm đơn ly hôn về tình cảm anh xác nhận không còn tình cảm gì với chị T nữa. Về con chung giữa anh và chị T có 01 con chung là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 16/6/2017. Anh có nguyện vọng nhận nuôi con chung, không yêu cầu chị T đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét. Hiện tại, anh đang lao động tự do tại Đài Loan, tính chất công việc thay đổi thường xuyên, không sống cố định nên không có địa chỉ cụ thể để cung cấp cho Tòa án, thời gian này anh chưa thể về Việt Nam để tham gia quá trình giải quyết vụ án cũng như phiên tòa. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh cũng đã hai lần ra văn bản số 38/CV – TA ngày 24/8/2020 (lần 1) và văn bản số 47/CV – TA ngày 07/9/2020 (lần 2) về việc cung cấp địa chỉ cư trú của anh Nguyễn Văn A tại Đài Loan để Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết vụ án theo quy định pháp luật nhưng không có kết quả. Theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn A theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn A đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn ngày 11/01/2017 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh A đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng sống cách xa nhau, giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm, liên lạc gì với nhau, dẫn đến tình cảm không còn, không thể tiếp tục, duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...nhưng cuộc hôn nhân của chị T và anh A không đạt được mục đích đó,

vợ chồng đã không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tại Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn*”. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị T xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn A để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp hơn.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn A có 01 con chung là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 16/6/2017. Chị T và anh A đều có nguyện vọng được nhận nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Yêu cầu, nguyện vọng của chị T và anh A là chính đáng. Tuy nhiên, xét thấy từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cháu K và chị T chuyển về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ chị T là ông Trần N và bà Trần Thị H, được chị T và ông bà ngoại chăm sóc cháu phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần, hiện cháu đang theo học tại trường Mầm non xã M, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Chị T có công việc làm ổn định, thu nhập 10.000.000đ/tháng tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại và phát triển S (địa chỉ số 239, đường V, phường T) đảm bảo điều kiện để nuôi cháu K. Anh A đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, anh có nguyện vọng nuôi con nhưng tính chất công việc anh thường xuyên không có mặt tại nơi cư trú, nên không thể trực tiếp chăm sóc cháu K. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống thường ngày của cháu Nguyễn Tuấn Kiệt cần giao cháu cho chị Trần Thị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh A không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không được ai ngăn cấm, cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 227, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án Ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn A.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 16/6/2017 cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh A không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung không được ai ngăn cấm, cản trở.

3. Về án phí: Buộc chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000022 ngày 29/5/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã;
- Dương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Đình Thông